

Số: 08/2019/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về số lượng, chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; chế độ hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách cấp xã không tiếp tục bố trí công tác trên địa bàn thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26/5/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Xét Tờ trình số 111/TTr- UBND ngày 28/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về số lượng, chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; chế độ hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách cấp xã không tiếp tục bố trí công tác trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND ngày 01/7/2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo tiếp thu giải trình số 214/BC-UBND ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về số lượng, chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã; mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với

người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; chế độ hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách cấp xã không tiếp tục bố trí công tác trên địa bàn thành phố Hà Nội, như sau:

1. Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

1.1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn:

- Xã, phường, thị trấn loại 1 là 14 người.

- Xã, phường, thị trấn loại 2 là 12 người.

- Xã, phường, thị trấn loại 3 là 10 người.

1.2. Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn gồm 10 chức danh:

Văn phòng Đảng ủy cấp xã; Phụ trách công tác truyền thanh cấp xã; Phó Chỉ huy trưởng Quân sự; Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân (đối với xã và các phường, thị trấn còn sản xuất nông nghiệp); Phó Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ ở xã, phường, thị trấn.

1.3. Mức phụ cấp của mỗi chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn quy định tại biểu 01-MPCKCT kèm theo.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại biểu 02-MPCKCT kèm theo.

3. Khuyến khích các xã, phường, thị trấn bố trí kiêm nhiệm chức danh. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố nếu kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách khác được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh không chuyên trách kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp chức danh cao nhất. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

4. Mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố.

4.1. Mức bồi dưỡng hàng tháng đối với Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng Tổ dân phố: không quá 0,7 mức lương cơ sở.

4.2. Mức bồi dưỡng đối với Chi hội trưởng các chi hội: Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội nông dân và Bí thư đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ở thôn, tổ dân phố:

- Từ nguồn đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có).

- Chi bồi dưỡng 250.000 đồng/người/tháng từ nguồn ngân sách theo phân cấp (ngoài mức khoán kinh phí hoạt động của các đoàn thể ở xã, phường, thị

trần theo Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố).

5. Các chức danh sau: Trưởng Ban tổ chức Đảng ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra, Kế hoạch Giao thông thủy lợi (hoặc Dịch vụ, Du lịch, Thương mại, Đô thị), Quản lý Nhà văn hóa, Nhân viên Đài truyền thanh khi nghỉ công tác được hỗ trợ mỗi năm công tác ở chức danh hiện giữ được một tháng phụ cấp theo quy định tại Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố và không hỗ trợ đối với người kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách cấp xã không còn được quy định.

6. Nguồn kinh phí thực hiện mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng Tổ dân phố; chế độ hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách cấp xã không tiếp tục bố trí công tác được cân đối trong dự toán ngân sách xã, phường, thị trấn hàng năm.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khóa XV kỳ họp thứ Chín thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2019. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội,
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH Quốc hội;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng, Văn phòng Thành ủy;
- Các VP: Đoàn ĐBQH, HĐND TP, UBND TP;
- Các Sở, Ban, Ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

**MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019
của HĐND thành phố Hà Nội)*

STT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)		
		Xã, phường, thị trấn loại 1	Xã, phường, thị trấn loại 2	Xã, phường, thị trấn loại 3
1	Văn phòng Đảng ủy	1,44	1,34	1,30
2	Phụ trách công tác truyền thanh	1,44	1,34	1,30
3	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự	1,86	1,73	1,69
4	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	0,97	0,87	0,83
5	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0,87	0,77	0,73
6	Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0,87	0,77	0,73
7	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	0,87	0,77	0,73
8	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	0,87	0,77	0,73
9	Chủ tịch Hội người cao tuổi	0,97	0,87	0,83
10	Chủ tịch Hội người Chử thập đò	0,97	0,87	0,83

**MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019
của HĐND thành phố Hà Nội)*

STT	Quy mô thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hàng tháng <i>(Hệ số so với mức lương cơ sở)</i>		
		Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố	Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố	Trưởng ban công tác Mặt trận
1	Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	1,8	1,8	1,40
2	Đối với các thôn còn lại và tổ dân phố	1,1	1,1	0,80

TC